

Bản án số: 10/2025/HSST

Ngày: 17 - 01 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Đình Thúc
2/ Ông Đặng Tân Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Tiên – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hà Ngọc Châu - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 283/2024/HSST ngày 11 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Lý Kim S; sinh năm: 1974, tại: Đồng Tháp; trú tại: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 03/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn P, sinh năm 1940 và bà Trần Thị C, sinh năm 1954; vợ: Hồ Thị Thùy D, sinh năm 1985, và con: 03 người, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Nhân thân: Ngày 24/02/1993, bị Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân”; ngày 27/09/2004, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 26/9/2013, bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền án: Ngày 02/03/2023 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo bản án số 55/2023/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/5/2024; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/9/2024 - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Trung T; sinh năm: 1960, tại: Thành phố Cần Thơ; trú tại: I đường T, phường A, quận B, Thành phố Cần Thơ; chỗ ở: 7 Tỉnh Lộ 10, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ học vấn: 02/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C1 (đã chết) và bà Trần Thị H (đã chết); vợ: Lê Kim T1, sinh năm

1956 (đã ly hôn), và con: 02 người, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1995.

Nhân thân: Ngày 21/8/2007, bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 08/7/2014 bị Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ xử 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 18/11/2014 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xử 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 19/7/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/01/2019.

Tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/9/2024 - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lý Mỹ D1; sinh ngày: 09/11/2005, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Kim S, sinh năm 1974 và bà Hồ Thị Thùy D, sinh năm 1985; chồng, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Thái Thị Mỹ H1, sinh năm: 1972; trú tại: Căn hộ C RS7, chung cư B Hòa Bình, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn T2, sinh năm 1992; trú tại: C đường K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

2. Ông Ngô Tấn Q, sinh năm 1976; trú tại: Tổ D, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An – Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Bích T3, sinh năm 1980; trú tại: 7 Tỉnh Lộ 10, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lý Kim S và Phạm Trung T quen biết nhau từ trước. Vào khoảng 13 giờ ngày 25/8/2024, do cần tiền tiêu xài, nên T gọi điện thoại rủ S vào siêu thị “Go”, tại địa chỉ số E đường N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh trộm cắp tài sản thì S đồng ý. Sau đó, Lý Mỹ D1 là con ruột của S cũng cần vào siêu thị mua đồ nên S điều khiển xe gắn máy hiệu Wave, màu xanh biển số: 52F6-7100 chở D1 đến siêu thị G. Khoảng 17 giờ 10 phút cùng ngày, S gặp T đang dừng xe gắn máy hiệu Jupiter, màu xanh đen, biển số 52K9-0007 trên đường T, phường P, quận T. Sau đó, S điều khiển xe gắn máy biển số: 52F6-7100 chở D1 để xe tại trước cửa siêu thị R và D1 đi vào bên trong. Tại đây, D1 đi lên lầu 1 của siêu thị mua đồ, S và T cùng lên tầng 01 siêu thị tìm tài sản để trộm cắp.

Đến khoảng 17 giờ 50 phút cùng ngày, S phát hiện chị Thái Thị Mỹ H1 đang đẩy xe trong siêu thị mua đồ và trong xe để 01 túi xách, màu đen nên khi thấy chị H1 dừng xe tại quầy trưng bày nước giải khát và đi qua quầy trưng bày nước tương, nước mắm, D1 và T cũng có mặt tại đây nên S nói với T là có túi xách để trong xe đẩy rồi S kêu T đến giả vờ nói chuyện với chị H1 để cho S trộm cắp túi xách của chị H1, T đồng ý.

Khi thấy T nói chuyện với chị H1 thì S lại gần đẩy xe lên một đoạn rồi lén lấy trộm túi xách của chị H1 kẹp vào trong cuốn giấy báo giá sản phẩm của siêu thị rồi bỏ đi. Lúc này, D1 cũng nhìn thấy S lục tìm rồi lấy đồ trong xe đẩy của người khách nữ. Khi đến quầy trưng bày bán cà phê thì S gặp D1, rồi S bỏ cuốn giấy gói túi xách vừa trộm cắp được vào trong xe đẩy của D1. Sau đó, S, D1, T đi ra khỏi siêu thị. Khi xuống tầng trệt tại cửa hàng bán quần áo thì D1 lấy trong xe đẩy ra 01 túi xách, S kêu D1 cất giấu vào trong áo khoác D1 đang mặc thì D1 đồng ý, rồi S điều khiển xe gắn máy biển số 52F6-7100 chở D1, còn T điều khiển xe gắn máy biển số 52K9-0007 tẩu thoát.

Khi đến trước số A đường P, phường B, quận B, S mở túi xách ra thấy bên trong có 01 điện thoại di động hiệu iPhone 14 Pro Max, màu tím nên đưa điện thoại cho T đi bán. T tháo sim điện thoại vứt đi, rồi cả ba đến cửa hàng điện thoại di động A, số C đường K, phường A, quận B để bán điện thoại. Tại đây, D1 ở ngoài, còn S và T vào bên trong bán điện thoại di động trên. Sanh và T gặp anh Lê Văn T2 là chủ cửa hàng thì T nói với anh T2 là muốn bán điện thoại di động và kiểm tra điện thoại di động dùm cho T.

Sau khi anh T2 kiểm tra thì hỏi T đây là điện thoại di động của ai thì T nói điện thoại di động của người nhà và T đang cần tiền nên bán. Sau đó, anh T2 không nói gì và mua với giá là 10.500.000 đồng, T đồng ý. Sau đó, anh T2 đưa tiền cho T rồi T đưa tiền lại cho S và cả hai đi ra ngoài gặp D1. T nói kiểm tra túi xách còn gì không thì D1 tìm bên trong túi xách thấy có số tiền 2.500.000 đồng, 01 thẻ ngân hàng, 01 Căn cước công dân, 01 chùm chìa khóa. Sanh chia cho T 4.000.000 đồng rồi điều khiển xe gắn máy biển số 52F6-7100 chở D1, còn T điều khiển xe gắn máy biển số 52K9-0007 về nhà. Trên đường về S vứt túi xách cùng chùm chìa khóa, thẻ ngân hàng, 01 Căn cước công dân trên đường (không rõ địa điểm). Chị Thái Thị Mỹ H1 phát hiện bị mất trộm túi xách đã đến Công an phường P trình báo sự việc. Qua truy xét, Công an quận T đã bắt được Lý Kim S, Phạm Trung T và Lý Mỹ D1.

Bản kết luận định giá số 2239/KL-HĐĐGTS ngày 23/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận T, vào thời điểm định giá ngày 25/8/2024, kết luận:

- 01 túi xách hiệu Bric's, màu đen, đã qua sử dụng không xác định do không rõ mã sản phẩm, chất lượng còn lại của tài sản.

- 01 điện thoại di động hiệu iPhone 14 Pro Max, màu tím, dung lượng 256 GB, số I: 354132413606776 trị giá 19.500.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu iPhone 14 Pro Max, màu tím, dung lượng 256 GB, số I: 354132413606776. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị H1.

- 01 xe gắn máy hiệu Wave, màu xanh đen, biển số 52F6-7100, là xe gắn máy S sử dụng để đi trộm cắp tài sản.

- 01 xe gắn máy hiệu Jupiter, màu xanh đen, biển số 52K9-0007, là xe gắn máy T sử dụng đi trộm cắp tài sản.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A21S, màu đen, là điện thoại di động T sử dụng để liên lạc với S để rủ đi trộm cắp tài sản.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10, màu xanh, là điện thoại S sử dụng để liên lạc với T rủ nhau đi trộm cắp tài sản.

- 01 cây chọt sim điện thoại bằng kim loại, T sử dụng để tháo sim điện thoại đã trộm cắp.

- 01 quần kaki lửng, màu xanh; 01 áo sơ mi ngắn tay, màu hồng có chấm bi màu đen, là trang phục Sanh mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 áo thun ngắn tay màu vàng, trắng, xanh; 01 quần tây dài, màu xám, là trang phục T mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 áo khoác bằng thun, màu đen; 01 quần dài bằng thun, màu đen. là trang phục D1 mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSQ.TP ngày 10 tháng 12 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú đã truy tố các bị cáo Lý Kim S, Phạm Trung T, Lý Mỹ D1 về tội “Trộm cắp tài sản” khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú giữ nguyên cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; 38; 50; 58; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lý Kim S từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; 38; 50; 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Trung T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; 50; 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lý Mỹ D1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 02 năm đến 03 năm.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý phần trách nhiệm dân sự và vật chứng.

Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án được tóm tắt như trên, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã có đủ cơ sở để xác định:

Vào khoảng 17 giờ 50 phút ngày 25/8/2024, tại Siêu thị G, số E đường N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị cáo Phạm Trung T giả vờ nói chuyện với chị Thái Thị Mỹ H1 nhằm mục đích đánh lạc hướng để Lý Kim S lén lút chiếm đoạt một túi xách của chị H1 kẹp vào trong cuốn giấy báo rồi bỏ đi. Lúc này Lý Mỹ D1 cũng nhìn thấy S lục tìm rồi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Khi đến quầy trưng bày Cà phê thì S gặp D1, rồi S bỏ cuốn giấy gói túi xách vừa trộm cắp được vào trong xe đẩy của D1, cả ba bị cáo đi ra khỏi siêu thị. Khi xuống tầng trệt D1 lấy túi xách trong xe đẩy ra, S kêu D1 cất vào trong áo khoác của D1 đang mặc thì D1 đồng ý. Sau đó cả ba mang bán tài sản trộm cắp, chia nhau và tẩu thoát. Qua truy xét, Công an quận T bắt được các bị cáo để điều tra làm rõ.

Vì vậy đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Lý Kim S, Phạm Trung T, Lý Mỹ D1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”, như bản cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản có trị giá là 22.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân: Các bị cáo Lý Kim S, Phạm Trung T là người có nhân thân xấu. Đối với bị cáo T, vào ngày 21/8/2007, bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 08/7/2014 bị Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ xử 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 18/11/2014 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xử 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 19/7/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/01/2019 đây là tình tiết cần lưu ý xem xét khi lượng hình.

Đối với bị cáo S, vào ngày 24/02/1993, bị Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân”; ngày 27/09/2004, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 26/9/2013, bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 02/03/2023 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù

ngày 17/5/2024, bị cáo bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm theo Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Bản thân các bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên các bị cáo đã cố ý phạm tội. Đây là vụ án có đồng phạm nhưng các bị cáo nhất thời phạm tội, không bàn bạc, phân công vai trò cụ thể nên đồng phạm mang tính giản đơn. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án nghiêm khắc, mới có tác dụng răn đe giáo dục đối với các bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với bị cáo Lý Mỹ D1, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét, bị cáo D1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo giữ vai trò hạn chế, cha của bị cáo đang bị tạm giam, mẹ của bị cáo đang chấp hành bản án, bị cáo còn em nhỏ phải chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian tại ngoại bị cáo không có vi phạm khác nên xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo mà giao về chính quyền địa phương quản lý, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[7] Về thu lợi bất chính: Sau khi trộm cắp được chiếc điện thoại di động bị cáo mang cầm cho anh Lê Văn T2 được số tiền 10.050.000 đồng và chiếm đoạt của bị hại số tiền 2.500.000 đồng nhưng anh T2 và chị H1 không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Giành cho anh Lê Văn T2 và chị Thái Thị Mỹ H1 quyền khởi kiện ở vụ án khác khi có yêu cầu.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bà Thái Thị Mỹ H1 đã nhận lại điện thoại di động, ngoài ra bà không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu iPhone 14 Pro Max, màu tím, dung lượng 256 GB, số I: 354132413606776. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại điện thoại di động trên cho chị H1 nên Hội đồng xét xử không xử lý.

- 01 xe gắn máy hiệu Wave, màu xanh đen, biển số 52F6-7100, số máy: HC09E6225896, số khung: RLHHC09066Y225854. Qua xác minh do bà Nguyễn Thị L đứng tên chủ sở hữu, đến năm 2021 bán lại cho Lý Mỹ D1. Bị cáo D1 khai khi mua xe bà L có đưa giấy chứng nhận đăng ký xe nhưng bị cáo đã làm mất. Bị cáo S và D1 sử dụng để đi trộm cắp tài sản nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- 01 xe gắn máy hiệu Jupiter, màu xanh đen, biển số 52K9-0007, là xe gắn máy T sử dụng đi trộm cắp tài sản. Qua xác minh do chị Lê Thị Bích T4 mua vào khoảng tháng 9/2002 và đứng tên chủ sở hữu. Đến khoảng năm 2022, chị T4 bán xe gắn máy trên cho anh Ngô Tấn Q. Khi bán chị T4 không có viết giấy bán xe, chỉ đưa kèm với giấy đăng ký xe. Anh Ngô Tấn Q khai vào khoảng tháng 02/2024, anh Q cho chị Nguyễn Thị Bích T3 thuê xe gắn máy biển số 52K9-0007, với giá 900.000 đồng/tháng, khi cho thuê thì giữa anh Q với chị Bích T3 không có làm hợp đồng. Ngày 25/8/2024, chị T3 cho Phạm Trung T mượn xe gắn máy để đi công việc. Việc T sử dụng xe gắn máy trên để trộm cắp tài sản thì chị T3 và anh Q không biết nên trả chiếc xe gắn máy trên cho anh Ngô Tấn Q theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A21S, màu đen, là điện thoại di động T sử dụng để liên lạc với S để rủ đi trộm cắp tài sản và 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10, màu xanh, là điện thoại S sử dụng để liên lạc với T rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- 01 cây chọt sim điện thoại bằng kim loại, T sử dụng để tháo sim điện thoại đã trộm cắp; 01 quần kaki lửng, màu xanh; 01 áo sơ mi ngắn tay, màu hồng có chấm bi màu đen, là trang phục Sanh mặc khi thực hiện hành vi phạm tội; 01 áo thun ngắn tay màu vàng, trắng, xanh; 01 quần tây dài, màu xám, là trang phục T mặc khi thực hiện hành vi phạm tội; 01 áo khoác bằng thun, màu đen; 01 quần dài bằng thun, màu đen là trang phục D1 mặc khi thực hiện hành vi phạm tội. Những vật chứng trên hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- 04 đĩa CD ghi lại hình ảnh vụ việc, ghi âm, ghi hình (lưu kèm hồ sơ vụ án) nên tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[10] Những vấn đề khác: Đối với anh Lê Văn T2 là người mua chiếc điện thoại các bị cáo trộm cắp nhưng anh T2 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý.

[11] Về án phí: Các bị cáo Lý Kim S, Lý Mỹ D1 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo Phạm Trung T là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi ngày 01/7/2010 nên bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lý Kim S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lý Kim S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 9 năm 2024.

[2] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Phạm Trung T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Phạm Trung T 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 9 năm 2024.

[3] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lý Mỹ D1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lý Mỹ D1 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày Tòa tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Long An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Giành cho chị Thái Thị Mỹ H1 quyền khởi kiện yêu cầu các bị cáo phải trả số tiền 2.500.000 đồng và anh Lê Văn T2 quyền khởi kiện yêu cầu các bị cáo phải trả số tiền 10.500.000 đồng ở vụ án khác khi có yêu cầu.

[5] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a; điểm c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe gắn máy hiệu Wave, màu xanh đen, biển số 52F6-7100, số máy: HC09E - 6225896, số khung: RLHHC09066Y225854.

- Trả cho ông Ngô Tấn Q 01 (một) xe gắn máy hiệu Jupiter, màu xanh đen, biển số 52K9-0007, số khung 5SD2 – 00511, số máy 5SD2 – 00511.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A21S, màu đen và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A10, màu xanh.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây chọt sim điện thoại bằng kim loại; 01 (một) quần kaki lửng, màu xanh; 01 (một) áo sơ mi ngắn tay, màu hồng có chấm bi màu đen, thu giữ của bị cáo S; 01 (một) áo thun ngắn tay màu vàng, trắng, xanh; 01 (một) quần tây dài, màu xám, thu giữ của bị cáo T; 01 (một) áo khoác bằng thun, màu đen; 01 (một) quần dài bằng thun, màu đen thu giữ của bị cáo D1.

(Vật chứng theo Phiếu nhập kho vật chứng số 291/PNK ngày 28/11/2024 của Công an quận T)

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi ngày 01/7/2010; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Lý Kim S, Lý Mỹ D1, mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Phạm Trung T không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

[8] Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

(Đã giải thích chế định án treo)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND TP . Hồ Chí Minh;
- VKS Q.T;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- THA quận T;
- Công an Q;
- Công an T6;
- Sở Tư pháp TP . HCM;
- Lưu: hồ sơ.

Lê Viết Hoàng Lâm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo
- Người tham gia tố tụng
- TAND TP . Hồ Chí Minh
- VKS Q.Tân Phú.
- THA quận Tân Phú.
- Công an Q.Tân Phú
- Công an TP . Hồ Chí Minh
- Sở Tư pháp TP . HCM
- Lưu hồ sơ

Lê Viết Hoàng Lâm

